

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNNMT-PTNTQLCL

Hà Tĩnh, ngày tháng 7 năm 2025

V/v đề nghị đăng tải lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND

Kính gửi: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện Văn bản số 4787/UBND-NL₅ ngày 07/7/2025 của UBND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi các Nghị quyết: số 51/2021/NQ-HĐND, số 125/2024/NQ-HĐND; trên cơ sở văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung của các Sở ngành, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng Dự thảo Tờ trình, Dự thảo “*Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025*”.

Để có cơ sở và kịp thời tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp chuyên đề gần nhất, sau kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 đảm bảo đúng quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên để lấy ý kiến góp ý rộng rãi đối với các nội dung của dự thảo (*Có dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo kèm theo*).

Thời gian thực hiện lấy ý kiến góp ý bắt đầu từ ngày 21/7/2025 đến ngày 31/7/2025. Các ý kiến góp ý đối với Dự thảo, đề nghị gửi bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tiếp góp ý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Kính đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Sở);
- Chi cục PTNT&QLCL;
- Lưu VT, KTH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số .../SNNMT-PTNTQLCL ngày .../.../2025, ý kiến thống nhất tại cuộc họp UBND tỉnh ngày .../.../2025 (Thông báo số .../TB-UBND ngày .../.../2025), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.

- Văn bản số 287/HĐND-KTNS ngày 02/7/2025 của HĐND tỉnh về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó không còn tổ chức chính quyền cấp huyện từ ngày 01/7/2025.

Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 và có hiệu lực đến ngày 31/12/2025.

Kết quả thực hiện năm 2022-2024: Theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành, tổng kinh phí hỗ trợ các chính sách năm 2022-2024 là 99.407,04 triệu đồng (đạt 29,2% kế hoạch kinh phí được giao). Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh: 96.327,98 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện: 3.079,06 triệu đồng.

Cụ thể các lĩnh vực:

- Nhóm chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp: 41.320,7 triệu đồng, đạt 32,3% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 41,6% tổng kinh phí thực hiện;

- Nhóm chính sách tập trung, tích tụ ruộng đất: 17.188,2 triệu đồng, đạt 21,7% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 17,3% tổng kinh phí thực hiện;

- Nhóm chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm: 17.304,8 triệu đồng, đạt 34,9% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 17,4% tổng kinh phí thực hiện;

- Nhóm chính sách hỗ trợ lãi suất: 10.856,5 triệu đồng, đạt 52,2% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 10,9% tổng kinh phí thực hiện;

- Nhóm chính sách ứng dụng khoa học công nghệ: 9.190,3 triệu đồng, đạt

64,2% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 9,2% tổng kinh phí thực hiện;

- Nhóm chính sách phát triển thương mại nông thôn: 3.546,6 triệu đồng, đạt 56,7% kế hoạch lĩnh vực, chiếm 3,6% tổng kinh phí thực hiện.

Kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách năm 2025 theo các Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, số 125/2024/NQ-HĐND đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 10/02/2025, với tổng kinh phí: 101.757 triệu đồng, trong đó: Cấp huyện: 63.746 triệu đồng; các sở, ngành liên quan: 38.011 triệu đồng. Đã cấp cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chính sách (Đợt 1 năm 2025) tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 với số tiền 21.640 triệu đồng/63.746 triệu đồng theo kế hoạch. Theo báo cáo của các địa phương¹, kết quả thực hiện chính sách 6 tháng đầu năm 2025 đạt 9.776,35 triệu đồng.

Theo quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND thì UBND cấp huyện có một số trách nhiệm liên quan đến đối ứng vốn, quy trình thực hiện và hồ sơ hỗ trợ thực hiện chính sách. Do đó, để việc triển khai thực hiện chính sách trong năm 2025 (năm cuối cùng thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND) không bị gián đoạn khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (*không còn tổ chức chính quyền cấp huyện*), cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện trong Nghị quyết và một số nội dung có liên quan để đảm bảo việc triển khai thực hiện chính sách không bị gián đoạn trong thời gian thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định theo khoản 1 Điều 8: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi bổ sung thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...*” và theo điểm c khoản 1 Điều 21: “*1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: ...c) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;...*”.

Do đó, việc tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định nêu trên và rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND nhằm tháo gỡ những vướng mắc, bất cập khi thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương

¹ Gồm: huyện Cẩm Xuyên, Hương Khê, Can Lộc, Hương Sơn, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh.

02 cấp (*không còn tổ chức chính quyền cấp huyện*) và đảm bảo việc thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND không bị gián đoạn khi không còn bộ máy chính quyền cấp huyện.

2. Quan điểm: Nghị quyết được xây dựng đảm bảo theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản; phù hợp với thực tiễn địa phương, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo, thực hiện các bước theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tham mưu UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Thường trực HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn. Sau khi Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến về việc thống nhất xây dựng và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025 tại 287/HĐND-KTNS ngày 02/7/2025, cơ quan soạn thảo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan và tổ chức đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường; tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) không phân biệt hộ khẩu thường trú, có các hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo quản, chế biến, thương mại, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng theo hình thức quy định trực tiếp gồm 3 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh

Điều 2. Điều khoản thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản

Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh và sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong quy trình thực hiện và hồ sơ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo các Nghị quyết, liên quan đến:

- Chuyển một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã để phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện; Sửa đổi tên, nhiệm vụ của một số Sở, ngành, đơn vị do thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ sau khi thực hiện sáp nhập

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quy trình thực hiện, hồ sơ hỗ trợ của một số chính sách để phù hợp với Luật Ngân sách và tình hình thực tiễn. Sửa đổi quy định về nguồn kinh phí (ngân sách tỉnh) thực hiện một số chính sách để phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện và Nghị Quyết 149/2025/NQ-HĐND ngày 27/06/2025 sửa đổi bổ sung quy định ban hành kèm theo Nghị Quyết số 41/2021/NQ-HĐND về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn kinh phí

Ngân sách tỉnh, bố trí lồng ghép từ các nguồn vốn (Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, kinh phí phát triển kinh tế tập thể, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác) để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này.

Năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 10/02/2025.

2. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Kỳ họp chuyên đề gần nhất sau kỳ họp thường lệ giữa năm 2025

3. Về tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- T.Tr Tỉnh ủy;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Công thương, Khoa học CN;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 8;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày ... tháng ... năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tại Văn bản số 287/HĐND-KTNS ngày 02/7/2025 về thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh

a) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 4.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức, triển khai, kiểm tra, hướng dẫn, lập hồ sơ thanh, quyết toán cho công tác phối giống bò, tối đa 200 triệu đồng/năm (với định mức hỗ trợ 10.000 đồng/liều tinh phối giống được nghiệm thu, quyết toán hàng năm).”

c) Thay thế cụm từ “Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện (thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện)” bằng cụm từ “Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y Khu vực (thông qua Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi)” tại khoản 6 Điều 6.

d) Thay thế cụm từ “02 huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “02 xã, phường”; thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại Điều 10.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh

a) Bỏ cụm từ “riêng đối với chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất ngoài ngân sách tỉnh, còn được hỗ trợ ngân sách cấp huyện từ nguồn thu tiền sử dụng đất (trừ nội dung hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn tập trung, tích tụ ruộng đất) và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.” tại khoản 2 Điều 1.

b) Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 3 Điều 1 như sau:

b1. Sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất (điểm a khoản 1 Điều 5) như sau:

“- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, phê duyệt Phương án chuyển đổi ruộng đất và ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện Phương án dồn điền, đổi thửa, bảo đảm mỗi hộ sử dụng từ 01 thửa - 02 thửa đất cùng một loại đất nông nghiệp (đất trồng lúa hoặc đất trồng cây hằng năm) trên địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố (sau đây gọi là thôn), trong đó tối thiểu có 75% số hộ sử dụng bảo đảm 01 thửa/01 loại đất.

+ Đã hoàn thành công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ được Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

- Mức hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất (tuyên truyền, tập huấn, phá bỏ bờ thửa, di dời mô mả, san phẳng mặt ruộng, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng...):

+ Quy mô từ 10 ha đến 50 ha theo địa bàn thôn: 5,5 triệu đồng/ha;

- + Quy mô từ trên 50 ha đến 100 ha theo địa bàn thôn: 06 triệu đồng/ha;
- + Quy mô trên 100 ha theo địa bàn thôn: 6,5 triệu đồng/ha;
- + Riêng đối với các xã: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân, Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức được hỗ trợ thêm hệ số 1,2 lần định mức nêu trên;
- + Mức hỗ trợ tối đa 1,15 tỷ đồng/xã, phường/năm; riêng các xã: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân, Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức mức hỗ trợ tối đa 1,37 tỷ đồng/xã;
- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh”.

b2. Tại mục Điều kiện hỗ trợ chính sách hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính sau chuyển đổi ruộng đất (điểm b khoản 1 Điều 5): Bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại dấu cộng thứ nhất; thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại dấu cộng thứ hai.

b3. Tại mục chính sách hỗ trợ khen thưởng trong công tác chuyển đổi ruộng đất (điểm d khoản 1 Điều 5): Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng từ “xã, phường”.

b4. Tại mục hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tập trung ruộng đất theo hình thức thuê quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (khoản 2 Điều 5) như sau:

- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với hộ gia đình, cá nhân” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận” tại dấu cộng thứ năm, gạch đầu dòng thứ hai về Điều kiện hỗ trợ.

- Thay thế cụm từ “Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30%” bằng cụm từ “Ngân sách tỉnh” tại gạch đầu dòng thứ năm.

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong quy trình thực hiện và hồ sơ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh

(có Phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

Các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh mà các đối tượng đang thực hiện từ 01/7/2025 đến trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hỗ trợ thì được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản, tên các đơn vị được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh và Nghị quyết này mà được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản, tên của đơn vị mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa ...Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH, TH3.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG
TRONG QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ HỒ SƠ HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày/.../2025 của HĐND tỉnh)

I. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Mục 1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về xây dựng kế hoạch, phân bổ kinh phí như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần I như sau:

a) Tại khoản 1, 2, 3: Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước tỉnh” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 8”; thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 như sau:

“Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến (trừ Điều 12), chính sách chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất tại Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần II như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Căn cứ kế hoạch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai kế hoạch hỗ trợ theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi kế hoạch thực hiện về Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp địa phương không có kế hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc không phê duyệt hết kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh giao thì Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kế hoạch hỗ trợ cho nhiệm vụ hoặc địa phương khác theo quy định, địa phương đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm do việc không phê duyệt kế hoạch của địa phương mình.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh phí hỗ trợ kịp thời, định kỳ báo cáo năm kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan theo quy định (Ủy ban nhân dân cấp xã gửi trước ngày 15/12/2025).”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 phần III như sau:

“3. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (bao gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân)

a) Căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ứng tối đa 70% kinh phí trên kế hoạch hỗ trợ của tỉnh để chủ động triển khai thực hiện;

b) Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã gửi trước ngày 15/12/2025); các Sở, ngành rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách của các địa phương và tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20/12/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách và tổng hợp chung gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách và bổ sung kinh phí nếu còn thiếu.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 phần IV như sau:

“1. Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện chính sách của các đơn vị, địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã gửi trước ngày 15/12/2025); các sở, ngành theo lĩnh vực rà soát, tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất vào ngày 20/12/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp chung gửi Sở Tài chính (trước ngày 25/12/2025) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ và cấp kinh phí nếu còn thiếu.”

II. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phần A Tiểu mục 1 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về quy trình kiểm tra, phê duyệt hỗ trợ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung phần A.I như sau:

“I. Đối với đơn vị thuộc Sở, ngành cấp tỉnh: Sau khi có Kế hoạch giao và Quyết định cấp kinh phí bổ sung của UBND tỉnh, các đơn vị triển khai thực hiện và thanh, quyết toán theo chế độ quy định. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách về Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 20/12/2025”.

2. Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại phần A.II.

3. Sửa đổi, bổ sung phần A.III như sau:

“III. Đối với đối tượng thuộc cấp xã quản lý

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng (sau khi các đối tượng thực hiện hoàn thành), Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, kiểm tra, thẩm định phê duyệt hỗ trợ (kèm theo danh sách, nội dung chính sách, kinh phí hỗ trợ) và thực hiện niêm yết, công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo và thực hiện giải ngân số tiền hỗ trợ cho các đối tượng

trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của đối tượng.

2. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách (*Biểu mẫu số 02/BC kèm theo*), đồng thời gửi Quyết định phê duyệt hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 15/12/2025.”

III. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phần B Tiểu mục 1 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về hồ sơ hỗ trợ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ, khoản 3 phần I như sau:

“đ) Biên bản kiểm tra trong quá trình triển khai thực hiện mô hình của cấp có thẩm quyền (tỉnh hoặc xã).”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần II như sau:

a) Bãi bỏ một số điểm tại khoản 1 như sau:

- Bãi bỏ điểm c “c) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Trung tâm Khuyến nông với Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện về việc thực hiện cải tạo giống bò”.

- Bãi bỏ điểm đ “đ) Bảng tổng hợp kết quả: Số lượng hộ, số lượng bò cái được phối giống, số lượng tinh đã sử dụng, loại tinh và vật tư đã sử dụng, số lượng bò cái có chửa theo từng xã, phường, thị trấn và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

b) Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 và khoản 3.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hỗ trợ mua dự phòng các loại vắc xin và hóa chất. Trong đó, giao Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, Chi cục Thủy sản tổ chức thực hiện. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh; trong đó, nêu rõ tình hình dịch bệnh hoặc tính cấp thiết cần sử dụng vắc xin, hóa chất để chủ động phòng dịch và kế hoạch sử dụng vắc xin, hoá chất;

b) Giấy giới thiệu cử cán bộ đến tiếp nhận vắc xin của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao hoặc ủy quyền;

c) Phiếu xét nghiệm của Cơ quan thú y có thẩm quyền hoặc Biên bản kiểm tra kết luận dịch bệnh của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y (hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ thú y thủy sản đối với hóa chất phòng chống dịch bệnh thủy sản) hoặc Văn bản chỉ đạo, khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, diễn biến dịch bệnh tại các tỉnh, xã, phường lân cận và

nguy cơ dịch bệnh xâm nhiễm, lây lan vào địa bàn đối với loại dịch bệnh đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất;

d) Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi (đối với vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch động vật trên cạn); Chi cục Thủy sản (đối với hóa chất phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản) kèm theo Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được ủy quyền (Có biểu chi tiết các loại vắc xin, hóa chất đã sử dụng đến từng tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận);

đ) Hóa đơn, chứng từ mua sắm, cấp phát vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch động vật trên cạn đối với Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi; chứng từ cấp phát hóa chất phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản đối với Chi cục Thủy sản.”

d) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm tại khoản 6 như sau:

- Bãi bỏ cụm từ “Ngoài ra, hằng năm căn cứ kế hoạch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để cấp kinh phí hỗ trợ việc kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản với mức hỗ trợ 24 triệu đồng/năm/xã.”

- Bãi bỏ ý thứ 3 điểm b “Quyết định phê duyệt danh sách và số tiền hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện”

- Sửa đổi, bổ sung ý thứ 4 điểm b như sau:

“Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản hàng tháng của Ủy ban nhân dân cấp xã”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Hỗ trợ Trạm Bảo vệ thực vật và thú y Khu vực (thông qua Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi) để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn.

“a) Quy trình thực hiện: Theo quy định tại Phần A Tiểu mục này; Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí theo quy định để thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung với mức hỗ trợ 12 triệu đồng/năm/cơ sở giết mổ đang hoạt động.

b) Hồ sơ hỗ trợ

- Văn bản giao nhiệm vụ của Trạm trưởng Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y Khu vực (thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi) thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn; yêu cầu người thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động giết mổ có trình độ chuyên môn thú y, chăn nuôi - thú y từ Trung cấp trở lên;

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung theo từng tháng của Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y Khu vực (thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi), kèm theo biểu số liệu chi tiết số lượng gia súc, gia cầm đưa vào giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn.”.

3. Bỏ từ “huyện” tại điểm c khoản 2 phần IV.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần V như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 2 như sau:

- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt” tại điểm b.

- Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch)” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn cấp xã (Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)” tại điểm d.

b) Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 3 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) UBND cấp xã tổng hợp số liệu hồ sơ, trích lục diện tích rừng đề xuất hỗ trợ chính sách theo hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và phê duyệt diện tích rừng đề xuất hỗ trợ chính sách.”

- Tại điểm c: Thay thế cụm từ “Hạt Kiểm lâm cấp huyện (trên cơ sở đề xuất cán bộ kiểm lâm địa bàn)” bằng cụm từ “Hạt Kiểm lâm sở tại”.

c) Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 4 như sau:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) UBND cấp xã tổng hợp, phê duyệt số liệu, hồ sơ diện tích rừng đề xuất hỗ trợ kinh phí (Kèm hồ sơ trích lục diện tích rừng)”.

- Tại điểm b: Thay thế cụm từ “sau khi có ý kiến của Hạt kiểm lâm, công an huyện theo quy định” bằng cụm từ “sau khi có ý kiến của Hạt kiểm lâm, công an sở tại”.

- Tại điểm c: Thay thế cụm từ “Hạt kiểm lâm cấp huyện” bằng cụm từ “Hạt kiểm lâm sở tại”.

d) Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại điểm a, c khoản 5 và điểm a, c khoản 6.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần VI như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“a) Quy trình thực hiện

- Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án và dự toán gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị liên quan cho ý kiến về phương án, dự toán.

- Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án và dự toán, tổ chức thực hiện, phê duyệt hồ trợ và thanh, quyết toán chế độ theo quy định. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời gửi Sở Tài chính.

Riêng đối với phương án và dự toán đã được UBND cấp huyện (trước đây) phê duyệt, UBND cấp xã triển khai thực hiện, phê duyệt hồ trợ và thanh, quyết toán chế độ theo quy định; tổng hợp kết quả gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.

b) Hồ sơ hồ trợ

- Quyết định phê duyệt phương án, dự toán (kèm theo phương án và dự toán) của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Văn bản có ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn, chứng từ thể hiện chi phí phát sinh. Đối với mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thì có thẩm định giá và các hồ sơ khác liên quan (bản sao có chứng thực).

Riêng Đối với phương án và dự toán đã được UBND cấp huyện (trước đây) phê duyệt, UBND cấp xã tiếp tục triển khai thực hiện hồ sơ theo quy định của ý thứ 3 và 4 của điểm này.”.

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b, khoản 2.

IV. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Tiểu mục 3 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách ứng dụng công nghệ sinh học như sau:

1. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại phần II

2. Sửa đổi, bổ sung phần III như sau:

“1. Quy trình kiểm tra, phê duyệt hồ trợ

a) Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị hồ trợ về UBND cấp xã.

b) UBND cấp xã tiếp nhận đơn đề nghị hồ trợ của các đối tượng; kiểm tra, phê duyệt hồ trợ (kèm theo danh sách đối tượng, khối lượng chế phẩm, kinh phí hồ trợ).

c) UBND cấp xã (hoặc ủy quyền đơn vị trực thuộc) ký hợp đồng với đơn vị cung ứng chế phẩm sinh học.

2. Hồ sơ hồ trợ

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân (bao gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ; cam kết đối ứng kinh phí để mua chế phẩm sinh học theo quy định hỗ trợ);

b) Quyết định phê duyệt hỗ trợ của UBND cấp xã;

c) Hợp đồng mua chế phẩm, biên bản nghiệm thu bàn giao, thanh lý hợp đồng kèm theo hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán kinh phí, biên bản bàn giao chế phẩm giữa đơn vị cung ứng với UBND cấp xã (hoặc đơn vị được ủy quyền) và các hồ sơ đấu thầu mua sắm theo quy định pháp luật (nếu có); bảng tổng hợp số lượng chế phẩm và danh sách ký nhận chế phẩm của các tổ chức, cá nhân do UBND cấp xã lập.”

V. Tại Tiểu mục 4 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách mỗi xã một sản phẩm: Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã”.

VI. Tại Tiểu mục 5 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách thương mại nông thôn và xúc tiến thương mại: Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã”; cụm từ “Phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”.

VII. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phần II Tiểu mục 6 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ lãi suất như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Định kỳ hàng quý:

- Tổ chức tín dụng tổng hợp danh sách khách hàng vay vốn hỗ trợ lãi suất (theo mẫu 06/HTLS), kèm Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất của từng khách hàng (theo mẫu 05/HTLS) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau;

- Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã: (1) Kiểm tra thực tế các mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất và tổng hợp hồ sơ các khách hàng vay vốn hỗ trợ lãi suất có mô hình đang còn hoạt động; (2) Rà soát hồ sơ, xác định các trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ, phê duyệt danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất theo quy định;

Trường hợp qua kiểm tra phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích hoặc không đảm bảo điều kiện hỗ trợ lãi suất theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản gửi Tổ chức tín dụng cho vay được biết;

- Chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt hỗ trợ lãi suất, Ủy ban nhân dân cấp xã giải ngân kinh phí hỗ trợ lãi suất cho đối tượng (trừ trường hợp có thống nhất khác với đối tượng), và thực hiện công khai kết quả hỗ trợ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Tờ trình của phòng/bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã lập kèm danh sách khách hàng đề nghị hỗ trợ lãi suất, trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét phê duyệt;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Biên bản kiểm tra mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất đang còn hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã;”.

c) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm đ.

VIII. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND về chính sách tập trung, tích tụ ruộng đất như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần A.I như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quy trình thực hiện

Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 như sau:

“a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của thôn/Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã;

b) Phương án chuyển đổi ruộng đất đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt;”.

c) Bãi bỏ khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần A.II như sau:

a) Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường tại khoản 1.

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm c khoản 2.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần A.III như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quy trình thực hiện

Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã”

c) Bãi bỏ khoản 3.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần B như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quy trình thực hiện

a) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định mục này về Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã soát xét hồ sơ, kiểm tra, thẩm định ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định; đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, phúc tra, kiểm tra (khi cần thiết). Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cụ thể để Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tiếp thu hoàn thiện theo quy định.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải cấp kinh phí cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Đề án hoặc Phương án sản xuất của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân đã đi vào hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.”.

c) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 3.

IX. Sửa đổi, bổ sung một số Biểu mẫu như sau:

1. Thay thế các cụm từ “UBND huyện, thị xã, thành phố”, “UBND huyện” bằng cụm từ “UBND xã, phường”; cụm từ “Cụ thể: xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Cụ thể: Thôn, Tổ dân phố” tại Biểu mẫu số 02/BC Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.

2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường” tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Tổng hợp giải trình rà soát, đề xuất sửa đổi nội dung chính sách, quy trình thực hiện, hồ sơ hỗ trợ tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
PHẦN 1. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH			
I	Chính sách phát triển trồng trọt		
1	Khoản 1 Điều 4: <i>“1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền giống lúa mới (lúa thuần) được <u>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> công nhận và phù hợp cơ cấu theo Đề án sản xuất hàng vụ của <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u>, tối đa 01 tỷ đồng/01 loại giống.”</i>	Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “ Bộ Nông nghiệp và Môi trường ”; cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “ Sở Nông nghiệp và Môi trường ” tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.	Thay đổi tên gọi do sáp nhập
II	Chính sách phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh		
1	Điểm b khoản 1 Điều 6: <i>“b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức, triển khai, kiểm tra, hướng dẫn, lập hồ sơ thanh, quyết toán cho công tác phối giống bò, tối đa 200 triệu đồng/năm (với định mức hỗ trợ 10.000 đồng/liều tinh phối giống được nghiệm thu, quyết toán hàng năm, trong đó cấp tỉnh 30%, cấp huyện 70%). Kinh phí chính sách thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo theo chế độ quy định.”</i>	“Hỗ trợ kinh phí tổ chức, triển khai, kiểm tra, hướng dẫn, lập hồ sơ thanh, quyết toán cho công tác phối giống bò, tối đa 200 triệu đồng/năm (với định mức hỗ trợ 10.000 đồng/liều tinh phối giống được nghiệm thu, quyết toán hàng năm).”	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện và thay đổi chức năng, nhiệm vụ.

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
2	Khoản 6 Điều 6: <i>“6. Hỗ trợ <u>Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện (thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện)</u> để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm ... ”</i>	Thay thế cụm từ “Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện (thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện)” bằng cụm từ “ Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y Khu vực (thông qua Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi) ” tại khoản 6 Điều 6 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.	Thay đổi tên gọi do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ
III	Chính sách hỗ trợ liên kết		
1	“Điều 10: <i>Các dự án liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo các hình thức liên kết tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ, đảm bảo thời gian liên kết ổn định: Tối thiểu 05 năm đối với sản phẩm có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, tối thiểu 03 năm đối với sản phẩm có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm; được cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ (Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án liên kết có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên hoặc liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện, thành phố, thị xã trở lên; <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> phê duyệt dự án liên kết có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng và triển khai trên địa bàn) và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, thực hiện hỗ trợ theo Điều 7, 8, 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.”</i>	Thay thế cụm từ “02 huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “ 02 xã, phường ”; thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “ cấp xã ” tại Điều 10 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND.	Căn cứ quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Sửa đổi: Cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) sửa thành cấp xã (xã, phường) phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện.

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
IV	Chính sách tập trung, tích tụ ruộng đất		
1	Khoản 2 Điều 1 “Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện <i>1. Ngân sách tỉnh, bố trí lồng ghép từ các nguồn vốn (Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, kinh phí phát triển kinh tế tập thể, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác) để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này; riêng đối với chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất ngoài ngân sách tỉnh, còn được hỗ trợ ngân sách <u>cấp huyện</u> từ nguồn thu tiền sử dụng đất (trừ nội dung hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn tập trung, tích tụ ruộng đất) và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.”</i>	Bỏ cụm từ “riêng đối với chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất ngoài ngân sách tỉnh, còn được hỗ trợ ngân sách cấp huyện từ nguồn thu tiền sử dụng đất (trừ nội dung hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn tập trung, tích tụ ruộng đất) và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.” tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện và Nghị Quyết 149 /2025/NQ-HĐND ngày 27/06/2025 sửa đổi bổ sung quy định ban hành kèm theo NQ 41/2021/NQ HĐND về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương
2	Khoản 3 Điều 1: “Điều 5 Hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất 1. Hỗ trợ chuyển đổi ruộng đất (dồn điền, đổi thửa). a) Hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất.	- Sửa đổi, bổ sung Chính sách hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất (điểm a khoản 1 Điều 5) như sau:	

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
	- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Điều kiện hỗ trợ: + <u>Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hoàn thành Phương án chuyển đổi ruộng đất trên thực địa và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện Phương án dồn điền, đổi thửa</u>, bảo đảm mỗi hộ sử dụng từ 01 thửa - 02 thửa đất cùng một loại đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm) trên địa bàn thôn, tổ dân phố (sau đây gọi là thôn), trong đó tối thiểu có 75% số hộ sử dụng bảo đảm 01 thửa/01 loại đất. + Đã hoàn thành công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, nghiệm thu theo quy định. - Mức hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất (tuyên truyền, tập huấn, phá bỏ bờ thửa, di dời mồ mả, san phẳng mặt ruộng, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng...): + Quy mô từ 10 ha đến 50 ha theo địa bàn thôn: 5,5 triệu đồng/ha; + Quy mô từ trên 50 ha đến 100 ha theo địa bàn thôn: 06 triệu đồng/ha; + Quy mô trên 100 ha theo địa bàn thôn: 6,5 triệu đồng/ha; + Riêng đối với các địa phương: Hương Khê, Vũ Quang, Hương Sơn được hỗ trợ thêm hệ số 1,2 lần định mức nêu trên;	“- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Điều kiện hỗ trợ: + <u>Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, phê duyệt Phương án chuyển đổi ruộng đất và ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện Phương án dồn điền, đổi thửa</u>, bảo đảm mỗi hộ sử dụng từ 01 thửa - 02 thửa đất cùng một loại đất nông nghiệp (đất trồng lúa hoặc đất trồng cây hằng năm) trên địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố (sau đây gọi là thôn), trong đó tối thiểu có 75% số hộ sử dụng bảo đảm 01 thửa/01 loại đất. + Đã hoàn thành công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ được Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, nghiệm thu theo quy định. - Mức hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất (tuyên truyền, tập huấn, phá bỏ bờ thửa, di dời mồ mả, san phẳng mặt ruộng, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng...): + Quy mô từ 10 ha đến 50 ha theo địa bàn thôn: 5,5 triệu đồng/ha; + Quy mô từ trên 50 ha đến 100 ha theo địa bàn thôn: 06 triệu đồng/ha; + Quy mô trên 100 ha theo địa bàn thôn: 6,5	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện. Thay đổi tên gọi do sáp nhập

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
	Mức hỗ trợ tối đa 1,15 tỷ đồng/xã, phường, thị trấn/năm; riêng đối với các xã, thị trấn thuộc các huyện: Hương Khê, Vũ Quang, Hương Sơn mức hỗ trợ tối đa 1,37 tỷ đồng/xã, thị trấn/năm - Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30%. b) Hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính sau chuyển đổi ruộng đất. - Đối tượng hỗ trợ: Văn phòng Đăng ký đất đai. - Điều kiện hỗ trợ:	triệu đồng/ha; + Riêng đối với các xã: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân, Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức được hỗ trợ thêm hệ số 1,2 lần định mức nêu trên; + Mức hỗ trợ tối đa 1,15 tỷ đồng/xã, phường/năm; riêng các xã: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân, Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức mức hỗ trợ tối đa 1,37 tỷ đồng/xã; - Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh”. * Tại mục Điều kiện hỗ trợ Chính sách hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện. - Thay đổi tên gọi do sáp nhập - Nghị Quyết 149 /2025/NQ-HĐND ngày 27/06/2025 sửa đổi bổ sung quy định ban hành kèm theo NQ 41/2021/NQ HĐND về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
	+ Khu vực đo đạc, chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính sau chuyển đổi ruộng đất phải có thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt, đảm bảo mỗi hộ sử dụng từ đất từ 01 thửa - 02 thửa cùng một loại đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm) trên địa bàn thôn, trong đó tối thiểu có 75% số hộ sử dụng 01 thửa/01 loại đất. Trường hợp địa phương thực hiện chuyển đổi ruộng đất chưa đạt tiêu chí nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản khẳng định không tiếp tục thực hiện thì được hỗ trợ 50% kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính. + Đã hoàn thành công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ được đơn vị tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt theo quy định. - Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đơn vị thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính 1.660.000 đồng/ha; - Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh. ... d) Hỗ trợ khen thưởng trong công tác chuyển đổi ruộng đất: - Đối tượng nhận hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Điều kiện hỗ trợ: Hoàn thành toàn bộ phương án chuyển đổi ruộng đất trên thực địa, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất sau chuyển đổi theo quy mô toàn xã/phường/thị trấn, đảm bảo các điều kiện hỗ trợ tại các điểm a, b, c khoản này và được cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ theo quy	chính sau chuyển đổi ruộng đất (điểm b khoản 1 Điều 5): - Bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại dấu cộng thứ nhất; - Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại dấu cộng thứ hai.	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện. - Thay đổi tên gọi do sát nhập

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
	định. - <i>Mức thưởng:</i> + Từ 200 ha đến 350 ha: Thưởng 200 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; + Trên 350 ha đến 500 ha: Thưởng 300 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; + Trên 500 ha: Thưởng 400 triệu đồng/xã, phường, thị trấn. - Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh. 2. Hỗ trợ cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tập trung ruộng đất theo hình thức thuê quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. - Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân; - Điều kiện hỗ trợ: + Có quy mô tập trung ruộng đất đối với cùng một loại đất (đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm) theo hình thức thuê đất để sản xuất nông nghiệp có quy mô liên vùng từ 02 ha trở lên đối với hộ gia đình, cá nhân; từ 10 ha trở lên đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; + Đã hoàn thành thủ tục thuê đất theo quy định. + Có Đề án hoặc Phương án sản xuất nông nghiệp của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân theo đúng mục đích sử dụng đất được thuê; + Có Hợp đồng thuê đất có thời hạn tối thiểu 10 năm đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã; 05 năm đối với hộ gia đình, cá nhân;	* Tại mục hỗ trợ khen thưởng trong công tác chuyển đổi ruộng đất (điểm d khoản 1 Điều 5): Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng từ “xã, phường”. - Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện.

STT	Điều, Khoản, điểm tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, 125/2024/NQ-HĐND	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do
	+ Tổ chức, cá nhân sau khi thuê đất đã thực hiện đầu tư và đi vào sản xuất ổn định từ năm thứ 2 theo phương án và phải được <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với hộ gia đình, cá nhân;</u> - Thời gian hỗ trợ: 02 năm. - Mức hỗ trợ: Việc hỗ trợ được thực hiện theo từng năm, mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/ha/năm (trường hợp Hợp đồng thuê đất thấp hơn mức hỗ trợ thì hỗ trợ bằng mức hợp đồng, trường hợp Hợp đồng thuê đất lớn hơn mức hỗ trợ thì hỗ trợ 10 triệu đồng/ha/năm); trong thời hạn 5 năm kể từ khi mô hình đi vào hoạt động và nếu tổ chức, cá nhân dừng hoạt động của mô hình bởi nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân phải hoàn trả lại số tiền đã hỗ trợ cho ngân sách Nhà nước. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã; không quá 300 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân. - Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30%.	huyện xác nhận đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với hộ gia đình, cá nhân” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận” tại dấu cộng thứ năm, gạch đầu dòng thứ hai về Điều kiện hỗ trợ. - Thay thế cụm từ “Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30%” bằng cụm từ “Ngân sách tỉnh” tại gạch đầu dòng thứ năm	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện. - Nghị Quyết 149 /2025/NQ-HĐND ngày 27/06/2025 sửa đổi bổ sung quy định ban hành kèm theo NQ 41/2021/NQ HĐND về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
I	Mục 1: Xây dựng kế hoạch, phân bổ kinh phí	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
	I. Xây dựng kế hoạch 1. Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu, tình hình thực tiễn tại địa phương, đơn vị, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> và các đơn vị rà soát, tổng hợp, đăng ký kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách <u>của năm sau</u> (Biểu mẫu số 01/KH) theo từng lĩnh vực gửi các Sở, ngành: Tài chính, <u>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường</u>, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, <u>Ngân hàng Nhà nước tỉnh trước ngày 30/9 hàng năm (riêng kế hoạch năm 2022 gửi trước ngày 10/3/2022).</u> 2. Trên cơ sở kế hoạch đăng ký kinh phí thực hiện chính sách của các địa phương, đơn vị, các Sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách rà soát, thẩm định (đảm bảo cân đối với dự toán kinh phí hàng năm khi xây dựng chính sách), tổng hợp gửi Sở Tài chính, <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/10 hàng năm (riêng kế hoạch năm 2022 gửi trước ngày 20/3/2022),</u> cụ thể:		a) Tại khoản 1, 2, 3: Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước tỉnh” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 8”; thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.	- Thay đổi tên gọi do sáp nhập - Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ			
a) <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến (<u>trừ Điều 5, Điều 12</u>) và chính sách chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định tại Điều 11 <u>Nghị quyết này</u>; b) <u>Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất quy định tại Điều 5 Nghị quyết này</u>; c) Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ sinh học quy định tại Điều 12 <u>Nghị quyết này</u>; d) Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm quy định tại Điều 13, 14 và chính sách chuyển đổi số trong chương trình OCOP tại Điều 11 <u>Nghị quyết này</u>;		Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 như sau: “Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến (trừ Điều 12), chính sách chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất tại Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND”.	- Thay đổi tên gọi do sáp nhập

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	đ) Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn và xúc tiến thương mại quy định tại Điều 15 <u>Nghị quyết này</u>; e) <u>Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tĩnh</u> chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất quy định tại <u>Nghị quyết này</u>. 3. Trên cơ sở kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách của các Sở, ngành đã rà soát, thẩm định; <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính <u>trước ngày 15/12 (riêng kế hoạch năm 2022 gửi trước ngày 30/3/2022)</u>, <u>Sở Tài chính</u> căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, xem xét (đảm bảo cân đối với dự toán kinh phí hàng năm khi xây dựng chính sách), tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện <u>Kế hoạch năm sau trước ngày 31/12 hàng năm</u>. II. Phân bổ và giao kế hoạch kinh phí thực hiện 2. Căn cứ vào kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh			
			Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại phần II như sau:	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ			
giao hàng năm, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> phê duyệt Kế hoạch kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách của <u>cấp huyện</u> đảm bảo không vượt kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và công khai theo Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> chủ động điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ đã phê duyệt để phù hợp với tình hình thực tế địa phương (nếu cần thiết) nhưng không vượt quá tổng mức kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. 3. Căn cứ kế hoạch <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện giao</u>, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai kế hoạch hỗ trợ theo quy định. <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> gửi kế hoạch thực hiện về Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát. <u>Sau ngày 31/10 năm kế hoạch</u>, địa phương không có kế hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc không phê duyệt hết kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh giao thì Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kế hoạch hỗ trợ cho nhiệm vụ hoặc địa phương khác theo quy định, địa phương đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm do việc không phê duyệt kế hoạch của địa phương mình. 4. <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> chịu trách		- Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2. - Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Căn cứ kế hoạch <u>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u> giao, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai kế hoạch hỗ trợ theo quy định. <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> gửi kế hoạch thực hiện về Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát. <u>Trường hợp</u> địa phương không có kế hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc không phê duyệt hết kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh giao thì Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kế hoạch hỗ trợ cho nhiệm vụ hoặc địa phương khác theo quy định, địa phương đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm do việc	còn cấp huyện - Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ

nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh phí hỗ trợ kịp thời, <u>định kỳ 6 tháng (trước ngày 30/6)</u> và cả năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u>, các Sở, ngành liên quan theo quy định. III. Cấp phát kinh phí hỗ trợ 3. Đối với tổ chức, cá nhân <u>thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> quản lý a) Căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và kế hoạch của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u>, Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ứng tối đa 70% kinh phí trên kế hoạch hỗ trợ của tỉnh để chủ động triển khai thực hiện; b) Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi trước	không phê duyệt kế hoạch của địa phương mình.” - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh phí hỗ trợ kịp thời, <u>định kỳ cả năm</u> báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u>, các Sở, ngành liên quan theo quy định (<u>Ủy ban nhân dân cấp xã gửi trước ngày 15/12/2025</u>).” 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 phần III như sau: “3. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> quản lý (bao gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân) a) Căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và kế hoạch của <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u>, Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ứng tối đa 70% kinh phí trên kế hoạch hỗ trợ của tỉnh để chủ động triển khai thực hiện; b) Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách của <u>Ủy ban nhân dân </u>	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện - Thay đổi tên gọi do sáp nhập - Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
--	---	---

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ

ngày 05/02 năm sau); các Sở, ngành rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách của các địa phương và tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách gửi <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> trước ngày 15/02 của năm sau; <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> rà soát, tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách và tổng hợp chung gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách và bổ sung kinh phí nếu còn thiếu.	<u>cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã</u> gửi trước ngày <u>15/12/2025</u>); các Sở, ngành rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách của các địa phương và tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách gửi <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u> trước ngày <u>20/12/2025</u>; <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u> rà soát, tổng hợp lĩnh vực chính sách phụ trách và tổng hợp chung gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách và bổ sung kinh phí nếu còn thiếu.”	- Thay đổi tên gọi do sáp nhập
IV. Xử lý kinh phí thừa, thiếu 1. Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện chính sách của các đơn vị, địa phương (<u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> gửi trước ngày 05/02 năm sau); các sở, ngành theo lĩnh vực rà soát, tổng hợp gửi về <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> chậm nhất vào ngày 15/02 hàng năm; <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> tổng hợp chung gửi Sở Tài chính (trước ngày 25/02 hàng năm) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ và cấp kinh phí nếu còn thiếu...	- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 phần IV như sau: “1. Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện chính sách của các đơn vị, địa phương (<u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> gửi trước ngày 15/12/2025); các sở, ngành theo lĩnh vực rà soát, tổng hợp gửi về <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u> chậm nhất vào ngày 20/12/2025; <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u> tổng hợp chung gửi Sở Tài chính (trước ngày <u>25/12/2025</u>) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ và cấp kinh phí nếu còn thiếu.”	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện - Thay đổi tên gọi do sáp nhập

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
II	Mục 2: Quy trình kiểm tra, phê duyệt và hồ sơ hỗ trợ	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
II.1	Tiểu mục 1: CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN (TRỪ ĐIỀU 12)			
A. Quy trình kiểm tra, phê duyệt hồ trợ				
	I. Đối với đơn vị thuộc Sở, ngành cấp tỉnh 1. Khi thực hiện hoàn thành, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời gửi Sở Tài chính. 2. Sau khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện chính sách của các đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, thẩm định về kết quả thực hiện chính sách tại các đơn vị. 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp và đề xuất Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ trợ kinh phí theo quy định. II. Đối với doanh nghiệp 1. Sau khi thực hiện hoàn thành, các doanh		Sửa đổi, bổ sung phần A.I như sau: “I. Đối với đơn vị thuộc Sở, ngành cấp tỉnh: Sau khi có Kế hoạch giao và Quyết định cấp kinh phí bổ sung của UBND tỉnh, các đơn vị triển khai thực hiện và thanh, quyết toán theo chế độ quy định. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách về Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 20/12/2025”. Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông	Để phù hợp với Luật ngân sách và tình hình triển khai thực tiễn. - Thay đổi tên gọi do sáp nhập

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ			
nghiệp nộp Tờ trình và hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm báo cáo quyết toán thuế, báo cáo tình hình sử dụng lao động) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính. 2. Sau khi nhận được Tờ trình và hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, thẩm định về kết quả thực hiện chính sách tại các doanh nghiệp. 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp và đề xuất Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí theo quy định. III. Đối với đối tượng thuộc cấp huyện quản lý <u>1. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng (sau khi các đối tượng thực hiện hoàn thành), tổng hợp lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> <u>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra, thẩm định phê duyệt hỗ trợ (kèm theo danh sách, nội dung chính sách, kinh phí hỗ trợ). Căn cứ quyết định phê duyệt, cấp kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện,</u>		nghiệp và Môi trường” tại phần A.II. Sửa đổi, bổ sung phần A.III như sau: “III. Đối với đối tượng thuộc cấp xã quản lý 1. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng (sau khi các đối tượng thực hiện hoàn thành), <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> rà soát, kiểm tra, thẩm định phê duyệt hỗ trợ (kèm theo danh sách, nội dung chính sách, kinh phí <u>hỗ trợ</u>) và <u>thực hiện</u> niêm yết, công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo và thực hiện giải ngân số tiền hỗ trợ cho các	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	<u>Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết, công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo và thực hiện giải ngân số tiền hỗ trợ cho các đối tượng trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của đối tượng.</u> 3. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách (<i>Biểu mẫu số 02/BC kèm theo</i>), đồng thời gửi Quyết định phê duyệt hỗ trợ về <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u>, Sở Tài chính trước ngày 05/02 của năm sau. <i>Riêng đối với các chính sách tại khoản 5, 6 Điều 6; khoản 1 Điều 9; Điều 10 Nghị quyết này, ngoài quy trình chung tại Phần A, các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy trình cụ thể tại Phần B Tiểu mục này.</i>		đối tượng trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của đối tượng. 2. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách (<i>Biểu mẫu số 02/BC kèm theo</i>), đồng thời gửi Quyết định phê duyệt hỗ trợ về <u>Sở Nông nghiệp và Môi trường</u>, Sở Tài chính trước ngày 15/12/2025.”	- Thay đổi tên gọi do sáp nhập
B. Hồ sơ hỗ trợ		Sở Nông nghiệp và Môi trường		
1	I. Chính sách phát triển trồng trọt			
-	3. Hỗ trợ sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ “ đ) Biên bản kiểm tra trong quá trình triển khai thực hiện mô hình của cấp có thẩm quyền (<u>tỉnh hoặc huyện</u>).”		“đ) Biên bản kiểm tra trong quá trình triển khai thực hiện mô hình của cấp có thẩm quyền (tỉnh hoặc xã).”	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
2	II. Chính sách phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh			
-	1. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao			
+	“ c) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Trung tâm Khuyến nông với <u>Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện</u> về việc thực hiện cải tạo giống bò;”		Bãi bỏ điểm c khoản 1	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện và thay đổi chức năng, nhiệm vụ.
+	“đ) Bảng tổng hợp kết quả: Số lượng hộ, số lượng bò cái được phối giống, số lượng tinh đã sử dụng, loại tinh và vật tư đã sử dụng, số lượng bò cái có chửa <u>theo từng xã, phường, thị trấn và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện;</u> ”		Bãi bỏ điểm đ khoản 1	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện. Đồng thời đã có quy định tại điểm d
-	2. Hỗ trợ bình tuyển hươu đực giống			
	b) Hồ sơ gồm: Phương án và dự toán bình tuyển hươu đực giống được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát đàn hươu đực; Bảng tổng hợp kết quả: Số lượng hộ, số lượng hươu đực được bình tuyển; Bảng tổng hợp kết quả: Số lượng hộ, số lượng hươu đực bình tuyển, đạt các tiêu chí được công nhận; Bảng tổng hợp các chi phí thực hiện theo dự			

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	toán được phê duyệt (kèm theo hồ sơ, hóa đơn tài chính, chứng từ chứng minh); Văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hươu đực giống đã được bình tuyển.		Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “ Sở Nông nghiệp và Môi trường ”	Thay đổi tên gọi do sáp nhập
-	3. Hỗ trợ nuôi giữ hươu đực giống			
	b) Văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hươu đực giống đã được bình tuyển.		Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “ Sở Nông nghiệp và Môi trường ”	Thay đổi tên gọi do sáp nhập
-	4. Hỗ trợ mua dự phòng các loại vắc xin và hoá chất (khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này). Trong đó, giao <u>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</u> xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Hồ sơ gồm:		Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Hỗ trợ mua dự phòng các loại vắc xin và hóa chất. Trong đó, giao <u>Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, Chi cục Thủy sản</u> tổ chức thực hiện. Hồ sơ gồm:	Thay đổi tên gọi do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ
	a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh; trong đó, nêu rõ tình hình dịch bệnh hoặc tính cấp thiết cần sử dụng vắc xin, hóa chất để chủ động phòng dịch và kế hoạch sử dụng vắc xin, hoá chất; b) Giấy giới thiệu cử cán bộ đến tiếp nhận vắc xin của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc ủy quyền;		a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh; trong đó, nêu rõ tình hình dịch bệnh hoặc tính cấp thiết cần sử dụng vắc xin, hóa chất để chủ động phòng dịch và kế hoạch sử dụng vắc xin, hoá chất; b) Giấy giới thiệu cử cán bộ đến tiếp nhận vắc xin của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao hoặc ủy quyền; c) Phiếu xét nghiệm của Cơ quan thú y có	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện - Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ

c) Phiếu xét nghiệm của Cơ quan thú y có thẩm quyền hoặc Biên bản kiểm tra kết luận dịch bệnh của <u>Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện</u> hoặc Văn bản chỉ đạo, khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thú y, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, diễn biến dịch bệnh tại các tỉnh, huyện lân cận và nguy cơ dịch bệnh xâm nhiễm, lây lan vào địa bàn đối với loại dịch bệnh đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất; d) Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Chi cục Chăn nuôi và Thú y kèm theo Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Ủy ban nhân dân cấp <u>huyện</u> hoặc đơn vị được ủy quyền (Có biểu chi tiết các loại vắc xin, hóa chất đã sử dụng đến từng tổ chức, cá nhân được <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> xác nhận); đ) Hóa đơn, chứng từ mua sắm, cấp phát vắc xin, hóa chất của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	thẩm quyền hoặc Biên bản kiểm tra kết luận dịch bệnh của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y (hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ thú y thủy sản đối với hóa chất phòng chống dịch bệnh thủy sản) hoặc Văn bản chỉ đạo, khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, diễn biến dịch bệnh tại các tỉnh, xã, phường lân cận và nguy cơ dịch bệnh xâm nhiễm, lây lan vào địa bàn đối với loại dịch bệnh đề nghị hỗ trợ vắc xin, hóa chất; d) Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi (đối với vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch động vật trên cạn); Chi cục Thủy sản (đối với hóa chất phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản) kèm theo Báo cáo kết quả sử dụng vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được ủy quyền (Có biểu chi tiết các loại vắc xin, hóa chất đã sử dụng đến từng tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận); đ) Hóa đơn, chứng từ mua sắm, cấp phát vắc xin, hóa chất của Chi cục Trồng trọt và	- Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện Thay đổi tên gọi do sáp nhập Thay đổi tên gọi do sáp nhập
--	---	---

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
			Chăn nuôi; chứng từ cấp phát hóa chất phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản của Chi cục Thủy sản.”	
-	6. Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản và kiểm soát hoạt động giết mổ trên địa bàn			
	a) Quy trình thực hiện: Theo quy định tại Phần A Tiểu mục này. <u>Ngoài ra, hằng năm</u> căn cứ kế hoạch <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để</u> cấp kinh phí hỗ trợ việc kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản với mức hỗ trợ 24 triệu đồng/năm/xã; Khuyến khích ngân sách cấp xã hỗ trợ thêm ngoài mức quy định của tỉnh đối với công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản.		Bãi bỏ cụm từ “Ngoài ra, hằng năm căn cứ kế hoạch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để cấp kinh phí hỗ trợ việc kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản với mức hỗ trợ 24 triệu đồng/năm/xã.”	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
	b) Hồ sơ hỗ trợ: - Quyết định phê duyệt danh sách và số tiền hỗ trợ của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện;</u>		Bãi bỏ ý thứ 3 điểm b	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
	- Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra,		Sửa đổi, bổ sung ý thứ 4 điểm b như sau:	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản hàng tháng của Ủy ban nhân dân cấp xã, <u>có xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Cơ quan thú y cấp huyện.</u>		“- Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản hàng tháng của <u>Ủy ban nhân dân cấp xã</u> ”	còn cấp huyện
-	7. Hỗ trợ <u>Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện (thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện) để</u> thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn		Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau: “7. Hỗ trợ <u>Trạm Bảo vệ thực vật và thú y Khu vực (thông qua Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi)</u> để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn	Thay đổi tên gọi do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ
-	a) Quy trình thực hiện: Theo quy định tại Phần A Tiểu mục này. Ngoài ra, hằng năm căn cứ kế hoạch <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> giao, <u>Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện</u> lập dự toán, gửi <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> để cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn với mức hỗ trợ 12 triệu đồng/năm/cơ sở giết mổ đang hoạt động. Khuyến khích <u>ngân sách cấp huyện</u> hỗ trợ thêm ngoài mức quy định của tỉnh đối với công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn		“ a) Quy trình thực hiện: Theo quy định tại Phần A Tiểu mục này; Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí theo quy định để thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung với mức hỗ trợ 12 triệu đồng/năm/cơ sở giết mổ đang hoạt động.”	Thay đổi tên gọi do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	cấp <u>huyện</u> ;			
	b) Hồ sơ hồ trợ: - Quyết định phê duyệt chỉ tiêu, số lượng gia súc giết mổ tại các cơ sở giết mổ và danh sách, số tiền hỗ trợ của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u>; - Văn bản giao nhiệm vụ <u>của Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện</u> thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn...; - Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung theo từng tháng của <u>Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện....</u>		b) Hồ sơ hồ trợ - Văn bản giao nhiệm vụ của Trạm trưởng Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực (thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi) thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn; yêu cầu người thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động giết mổ có trình độ chuyên môn thú y, chăn nuôi - thú y từ Trung cấp trở lên; - Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung theo từng tháng của <u>Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y Khu vực (thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi)</u>, kèm theo biểu số liệu chi tiết số lượng gia súc, gia cầm đưa vào giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn.”.	Thay đổi tên gọi do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ
3	IV. Chính sách phát triển thủy sản			
-	2. Hỗ trợ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản			

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	c) Biên bản thả giống có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện , xã và đơn vị trực tiếp quản lý hồ, đập, sông.		Bỏ từ “huyện” tại điểm c khoản 2 phần IV.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
4	V. Chính sách phát triển lâm nghiệp			
-	2. Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp			
	... b) Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình được <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt</u>; ... <u>d) Báo cáo thẩm tra quyết toán của cơ quan chuyên môn cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch);...</u>		- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt” bằng cụm từ “<u>Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt</u>” tại điểm b. - Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch)” bằng cụm từ “<u>cơ quan chuyên môn cấp xã (Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)</u>” tại điểm d.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
-	3. Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên			
	a) Tổng hợp số liệu hồ sơ, trích lục diện tích rừng đề xuất hỗ trợ chính sách <u>của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> phê duyệt diện tích rừng đề xuất hỗ trợ chính sách (<u>Kèm hồ sơ trích lục diện tích rừng</u>);		Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau: <u>“a) UBND cấp xã tổng hợp số liệu hồ sơ, trích lục diện tích rừng đề xuất hỗ trợ chính sách theo hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và phê duyệt diện tích rừng đề</u>	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
			<u>xuất hồ trợ chính sách.</u>	
	c) Văn bản xác nhận kết quả bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn của <u>Hạt Kiểm lâm cấp huyện (trên cơ sở đề xuất cán bộ kiểm lâm địa bàn).</u>		- Thay thế cụm từ “ Hạt Kiểm lâm cấp huyện (trên cơ sở đề xuất cán bộ kiểm lâm địa bàn)” bằng cụm từ “ Hạt Kiểm lâm sở tại ” tại điểm c.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
-	4. Hồ trợ quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất			
+	a) Tổng hợp số liệu hồ sơ, trích lục diện tích rừng đề xuất hồ trợ chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã; <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt diện tích rừng đề xuất hồ trợ chính sách</u> (Kèm hồ sơ trích lục diện tích rừng)		Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau: “a) <u>UBND cấp xã tổng hợp, phê duyệt số liệu, hồ sơ diện tích rừng đề xuất hồ trợ kinh phí</u> (Kèm hồ sơ trích lục diện tích rừng)”	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
+	b) Phương án Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm của Ủy ban nhân dân xã phê duyệt (<u>sau khi có ý kiến của Hạt Kiểm lâm, Công an huyện theo quy định</u>);		Thay thế cụm từ “sau khi có ý kiến của Hạt kiểm lâm, công an huyện theo quy định” bằng cụm từ “ sau khi có ý kiến của Hạt kiểm lâm, công an sở tại ” tại điểm b.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
+	c) Văn bản xác nhận kết quả bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm của <u>Hạt Kiểm lâm cấp huyện.</u>		Thay thế cụm từ “Hạt kiểm lâm cấp huyện” bằng cụm từ “ Hạt kiểm lâm sở tại ” tại điểm c	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
-	5. Hồ trợ trồng bổ sung, làm giàu rừng tự			

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	nhiên là rừng sản xuất			
	a) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng bổ sung, làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức; Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng); ... c) Bảng tổng hợp ... (Hoặc biên bản kiểm tra kết quả sản xuất giống của cấp có thẩm quyền đối với cơ sở tự sản xuất giống: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tổ chức; Ủy ban nhân dân huyện đối với hộ gia đình, cá nhân)		Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại điểm a, c khoản 5	- Thay đổi tên gọi do sáp nhập - Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện
-	6. Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu trên đất lâm nghiệp			
	a) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ được phê duyệt: Đối với tổ chức do đơn vị tự phê duyệt (Sau		Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế từ	Thay đổi tên gọi do sáp nhập Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	khí có ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> sau 05 ngày c) Bảng tổng hợp mua ... của cơ quan chuyên môn: <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u> có kết quả kiểm tra bằng văn bản trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra kết quả sản xuất giống của tổ chức tự sản xuất giống; <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> có kết quả kiểm tra bằng văn bản trong vòng 05 ngày ...		“huyện” bằng từ “ xã ” tại điểm a, c khoản 6	cấp huyện
5	VI. Chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn			
	1. Chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề		Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:	
	a) Quy trình thực hiện - <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án, dự toán trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</u> - <u>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị liên quan thẩm định phương án, dự toán.</u> - <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và</u>		“a) Quy trình thực hiện - <u>Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án và dự toán gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến.</u> - Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị liên quan <u>cho ý kiến về</u> phương án, dự toán. - <u>Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở</u>	- Để phù hợp với Luật ngân sách và tình hình triển khai thực tiễn. - Thay đổi tên gọi do sáp nhập

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ

<u>tổ chức thực hiện theo quy định.</u> <u>- Sau khi hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời gửi Sở Tài chính. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.</u> b) Hồ sơ hỗ trợ <u>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> - Phương án, dự toán và quyết định phê duyệt của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> - Văn bản <u>thẩm định</u> của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> - Hợp đồng, thanh lý ...		<u>Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án và dự toán, tổ chức thực hiện, phê duyệt hỗ trợ và thanh, quyết toán theo quy định. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời gửi Sở Tài chính.</u> <u>Riêng đối với phương án và dự toán đã được UBND cấp huyện (trước đây) phê duyệt, UBND cấp xã triển khai thực hiện, phê duyệt hỗ trợ và thanh, quyết toán chế độ theo quy định; tổng hợp kết quả gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính”</u> b) Hồ sơ hỗ trợ - Quyết định phê duyệt phương án, dự toán (kèm theo phương án và dự toán) của <u>Ủy ban nhân dân cấp xã.</u> - Văn bản <u>có ý kiến</u> của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề của <u>Ủy ban nhân dân cấp xã.</u> - Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn, chứng từ thể hiện chi phí phát sinh. Đối với mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thì có thẩm định giá	
---	--	--	--

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
			và các hồ sơ khác liên quan (bản sao có chứng thực).”. <u>* Riêng đối với phương án và dự toán đã được UBND cấp huyện (trước đây) phê duyệt, UBND cấp xã tiếp tục triển khai thực hiện hồ sơ theo quy định của ý thứ 3 và 4 của điểm này.</u>	
	2. Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn			
	b) Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân <u>cấp huyện</u> về việc hoàn thành di dời cơ sở sản xuất và đi vào hoạt động;		Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b, khoản 2.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện
II.2	Tiểu mục 3: Chính sách ứng dụng công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ		
	II. Hỗ trợ xây dựng nhà nuôi trồng nấm (khoản 2 Điều 12)		Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại phần II.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện
	III. Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học (khoản 3 Điều 12) 1. Quy trình kiểm tra, phê duyệt hỗ trợ		Sửa đổi, bổ sung phần III như sau: “1. Quy trình kiểm tra, phê duyệt hỗ trợ a) Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị hỗ trợ	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ			
a) Ủy ban nhân dân <u>cấp huyện</u> (hoặc ủy quyền đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân) ký hợp đồng với đơn vị cung ứng chế phẩm sinh học; b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận đơn đề nghị hỗ trợ của các đối tượng, <u>tổng hợp lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện</u>; c) Ủy ban nhân dân <u>cấp huyện</u> rà soát, kiểm tra, thẩm định phê duyệt hỗ trợ (kèm theo danh sách, kinh phí hỗ trợ). 2. Hồ sơ hỗ trợ a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ <u>của các xã trên địa bàn</u> (bao gồm: <u>Tờ trình của xã đề nghị hỗ trợ chế phẩm sinh học</u>; cam kết đối ứng kinh phí <u>nếu có</u> để mua chế phẩm sinh học theo quy định hỗ trợ); b) Hợp đồng mua chế phẩm, biên bản nghiệm thu bàn giao, thanh lý hợp đồng kèm theo hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán kinh phí <u>và</u> biên bản bàn giao chế phẩm với Ủy ban nhân dân cấp xã và các hồ sơ <u>về</u> đấu thầu mua sắm theo quy định pháp luật; danh sách ký nhận chế phẩm của các tổ chức, cá nhân <u>do UBND xã lập</u>; bảng tổng hợp số lượng chế phẩm.		về UBND cấp xã. b) UBND cấp xã tiếp nhận đơn đề nghị hỗ trợ của các đối tượng; kiểm tra, phê duyệt hỗ trợ (kèm theo danh sách đối tượng, khối lượng chế phẩm, kinh phí hỗ trợ). c) UBND cấp xã (hoặc ủy quyền đơn vị trực thuộc) ký hợp đồng với đơn vị cung ứng chế phẩm sinh học. 2. Hồ sơ hỗ trợ a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân (bao gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ; cam kết đối ứng kinh phí để mua chế phẩm sinh học theo quy định hỗ trợ); b) Quyết định phê duyệt hỗ trợ của UBND cấp xã; c) Hợp đồng mua chế phẩm, biên bản nghiệm thu bàn giao, thanh lý hợp đồng kèm theo hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán kinh phí, biên bản bàn giao chế phẩm giữa đơn vị cung ứng với UBND cấp xã (hoặc đơn vị được ủy quyền) và các hồ sơ đấu thầu mua sắm theo quy định pháp luật (nếu có); bảng tổng hợp số lượng chế phẩm và danh sách ký nhận chế phẩm của các tổ	cấp huyện Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
			chức, cá nhân do UBND cấp xã lập.”	
II.3	Tiểu mục 4: Chính sách mỗi xã một sản phẩm	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh		
	- Khoản 1, phần I: Sau khi thực hiện hoàn thành các nội dung, hạng mục công việc, các tổ chức cá nhân gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> - Khoản 2, phần I: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của cơ sở, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> rà soát, kiểm tra, thẩm định, phê duyệt hồ trợ ... - Khoản 3, phần I: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể khi quyết định phê duyệt hồ trợ có hiệu lực, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> cấp ứng 70% kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất. - Khoản 4, phần I: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì cùng với Sở Tài chính và các sở, ngành liên		Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại Tiểu mục 4 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách mỗi xã một sản phẩm. Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện	

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ			
quan kiểm tra kết quả phê duyệt của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u>. - Khoản 5, phần I: Sau khi có kết quả kiểm tra của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở ngành, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> chi trả kinh phí còn lại cho các cơ sở. - Dấu cộng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ nhất, tiết b, Điểm 2.1, Khoản 2, phần II: Bảng xác định khối lượng, giá trị thực hiện xây dựng nhà kho, xưởng hoàn thành đưa vào sử dụng được <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> xác nhận - Tiết a, Điểm 2.2, Khoản 2, phần II: Thường theo kết quả đầu ra: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn OCOP của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, <u>UBND cấp huyện</u> phân bổ kinh phí thưởng cho các cơ sở. - Dấu cộng thứ tư, gạch đầu dòng thứ hai, tiết c), Điểm 2.2, Khoản 2, phần II, Tiểu mục 4: Bảng xác định khối lượng, giá trị thực hiện			

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	xây dựng cửa hàng hoàn thành đưa vào sử dụng được <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> xác nhận.			
II.4	Tiểu mục 5: Chính sách thương mại nông thôn và xúc tiến thương mại	Sở Công thương		
-	I. Quy trình kiểm tra, phê duyệt hỗ trợ			
	1. Chính sách thương mại nông thôn			
	a) Căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> hướng dẫn ... và nộp 02 bộ về <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> (01 bộ lưu tại <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> và 01 bộ <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> trình lên Sở Công Thương); - <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> rà soát, tổng hợp, đề xuất bằng văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ) gửi về Sở Công Thương ... - Trong vòng 05 ngày ... Sở Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u>; trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí của Sở Tài chính bổ sung, <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị theo quy định. II. Hồ sơ hỗ trợ		Thay thế từ “huyện” bằng từ “<u>xã</u>”; cụm từ “Phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện” bằng cụm từ “<u>Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị</u>” tại Tiểu mục 5 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách thương mại nông thôn và xúc tiến thương mại	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	1. Chính sách thương mại nông thôn a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư của các tổ chức, cá nhân (chủ đầu tư); Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách của <u>Ủy ban nhân dân cấp huyện</u> kèm theo ... <u>- Báo cáo thẩm tra quyết toán (Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra quyết toán);</u>			
II.5	Tiểu mục 6: Chính sách hỗ trợ lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 8		
-	1. Quy trình thực hiện			
	c) Định kỳ hàng quý: - Tổ chức tin dụng tổng hợp danh sách khách hàng có vay vốn hỗ trợ lãi suất (<i>theo mẫu 06/HTLS</i>) kèm theo giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất của từng khách hàng (<i>theo mẫu 05/HTLS</i>) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (hoàn thành trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau); - Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra thực tế từng mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất và tổng hợp hồ		Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau: “c) Định kỳ hàng quý: - Tổ chức tín dụng tổng hợp danh sách khách hàng vay vốn hỗ trợ lãi suất (<i>theo mẫu 06/HTLS</i>), kèm Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất của từng khách hàng (<i>theo mẫu 05/HTLS</i>) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau; - Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã: (1) Kiểm tra thực tế các mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất và tổng hợp hồ sơ các khách hàng vay vốn	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	sơ khách hàng vay vốn hỗ trợ lãi suất có mô hình đang còn hoạt động, <u>lập tờ trình kèm hồ sơ, danh sách và kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện;</u> Trường hợp qua kiểm tra, phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích hoặc không đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản gửi Tổ chức tín dụng cho vay được biết; <u>- Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát lại hồ sơ và phê duyệt hỗ trợ đối với các đối tượng đủ điều kiện;</u> - Chậm nhất sau 05 ngày làm việc <u>sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả hỗ trợ,</u> Ủy ban nhân dân cấp xã giải ngân kinh phí hỗ trợ cho đối tượng		hỗ trợ lãi suất có mô hình đang còn hoạt động; (2) Rà soát hồ sơ, xác định các trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ, phê duyệt danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất theo quy định; Trường hợp qua kiểm tra phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích hoặc không đảm bảo điều kiện hỗ trợ lãi suất theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản gửi Tổ chức tín dụng cho vay được biết; - Chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt hỗ trợ lãi suất, Ủy ban nhân dân cấp xã giải ngân kinh phí hỗ trợ lãi suất cho đối tượng (trừ trường hợp có thống nhất khác với đối tượng), và thực hiện công khai kết quả hỗ trợ.”.	
	2. Hồ sơ hỗ trợ			
	a) <u>Tờ trình kèm danh sách khách hàng đề nghị hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi UBND cấp huyện;</u>		Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau: “a) Tờ trình của phòng/bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã lập kèm danh sách khách hàng đề nghị hỗ trợ lãi suất,	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
			trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét phê duyệt;”.	
	c) Biên bản kiểm tra mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất đang còn hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã (Kiểm tra trước khi lập danh sách đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ);		Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau: “c) Biên bản kiểm tra mô hình đề nghị hỗ trợ lãi suất đang còn hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã;	
	đ) Quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách khách hàng được hỗ trợ;...		Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “ cấp xã ” tại điểm đ.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện
II.6	Tiểu mục 2. Chính sách tập trung, tích tụ ruộng đất (Nghị quyết số 125)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
-	A. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi ruộng đất (đồn điền, đổi thửa)			
+	I. Chính sách hỗ trợ các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi ruộng đất			
	1. Quy trình thực hiện Ủy ban nhân dân cấp xã nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 mục này về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường): a) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời, hướng		Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Quy trình thực hiện Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt và thực	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện; chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	dẫn hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc. b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định; đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát, phúc tra, kiểm tra (khi cần thiết). Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cụ thể, để Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu hoàn thiện theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải cấp kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.		hiện thanh, quyết toán theo quy định.”.	
	2. Hồ sơ hỗ trợ a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Phương án chuyển đổi ruộng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; 		Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 như sau: “a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của <u>thôn</u>/Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã; b) Phương án chuyển đổi ruộng đất đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt;”.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện; chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	3. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc nộp trực tuyến (nếu có), nộp qua hệ thống bưu chính công ích hoặc qua hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc.		Bãi bỏ khoản 3.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện; chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã; Đối tượng nhận hỗ trợ là cấp xã, phê duyệt hỗ trợ là cấp xã do đó không cần quy định cách thức thực hiện ở nội dung này
+	II. Chính sách hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau chuyển đổi ruộng đất			
	1. Quy trình thực hiện		Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “ Sở Nông nghiệp và Môi trường ” tại khoản 1.	Thay đổi tên gọi do sáp nhập
	2. Hồ sơ hỗ trợ ... c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả thực hiện Phương án chuyển đổi ruộng đất đối với cấp xã		Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “ cấp xã ” tại điểm c khoản 2	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.
+	III. Chính sách hỗ trợ khen thưởng			

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	trong công tác chuyển đổi ruộng đất			
	1. Quy trình thực hiện Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 mục này về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường). a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc. b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định; đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát, phúc tra, kiểm tra (khi cần thiết). Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cụ thể, để Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu hoàn thiện theo quy định. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã được sử dụng số kinh phí hỗ trợ khen thưởng để đầu tư xây dựng, nâng cấp,		Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Quy trình thực hiện Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.”.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	mở rộng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, xây dựng các công trình phục vụ mục đích công cộng tại địa phương; chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất.			
	2. Hồ sơ hỗ trợ a) Tờ trình đề xuất hỗ trợ khen thưởng của Ủy ban nhân dân cấp xã; ...		Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: “a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã”	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyên thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.
	3. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc nộp trực tuyến (nếu có), nộp qua hệ thống bưu chính công ích hoặc qua hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc.		Bãi bỏ khoản 3.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyên thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã. Đối tượng nhận hỗ trợ là cấp xã, phê duyệt hỗ trợ là cấp xã do đó không cần quy định cách thức thực hiện ở nội dung này.
+	B. Chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tập trung ruộng đất theo hình thức thuê quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp			
			Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:	

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ

1. Quy trình thực hiện a) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 mục này về Ủy ban nhân dân cấp xã. b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã soát xét hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định; đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát, phúc tra, kiểm tra (khi cần thiết). Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cụ thể để Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tiếp thu hoàn thiện theo quy định. d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải cấp kinh phí cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.		“1. Quy trình thực hiện a) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định mục này về Ủy ban nhân dân cấp xã. b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã soát xét hồ sơ, kiểm tra, thẩm định ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định; đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, phúc tra, kiểm tra (khi cần thiết). Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cụ thể để Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tiếp thu hoàn thiện theo quy định. c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải cấp kinh phí cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.”.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.
--	--	--	---

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
	2. Hồ sơ hỗ trợ ... c) Đề án hoặc Phương án sản xuất của Doanh nghiệp, Hợp tác xã đã đi vào hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận; của hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.		Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau: “c) Đề án hoặc Phương án sản xuất của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân đã đi vào hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. ”.	
	3. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc nộp trực tuyến (nếu có), nộp qua hệ thống bưu chính công ích hoặc qua hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc.		Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 3	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.
III	Biểu mẫu kèm theo các Nghị quyết		Sửa đổi, bổ sung một số Biểu mẫu như sau: 1. Thay thế các cụm từ “UBND huyện, thị xã, thành phố”, “UBND huyện” bằng cụm từ “ UBND xã, phường ”; cụm từ “Cụ thể: xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Cụ thể: Thôn, Tổ dân phố ” tại Biểu mẫu số 02/BC Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND. 2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện” bằng cụm từ “ Ủy ban nhân dân xã, phường ” tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND.	Phù hợp với chính quyền 02 cấp không còn cấp huyện, chuyển thẩm quyền, trách nhiệm về cho UBND cấp xã.

PHẦN 2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ				
